

Bản án số: 43/2020/HS-ST

Ngày: 30/11/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Bình.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Tấn Xuân Chẩn; Ông Cheo An Ngải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sùng A Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ tham gia phiên tòa: Ông Phùng Văn Chữ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Quàng Văn U. Tên gọi khác: Không, giới tính: Nam.

Sinh năm 1982, tại huyện S, tỉnh Lai Châu;

Nơi cư trú: Bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 0/12; Chức vụ đoàn thể, chính quyền: Không; Con ông: Quàng Văn A (đã chết), con bà: Quàng Thị Đ, sinh năm 1954; Bị cáo có vợ là Quàng Thị T, sinh năm 1983 và có 03 con, con thứ nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang sinh sống tại bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

2. Lò Văn V. Tên gọi khác: Không, giới tính: Nam.

Sinh năm 1988, tại huyện S, tỉnh Lai Châu;

Nơi cư trú: Bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 3/12; Chức vụ đoàn thể, chính quyền: Không; Con ông: Lò Văn K, sinh năm 1943, con bà: Lò Thị T, sinh năm 1946; Bị cáo có vợ là Lò Thị D, sinh năm 1988 và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang sinh sống tại bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

3. Quàng Văn M. Tên gọi khác: Không, giới tính: Nam.

Sinh năm 1988, tại huyện S, tỉnh Lai Châu;

Nơi cư trú: Bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 02/12; Chức vụ đoàn thể, chính quyền: Không; Con ông: Quàng Văn P, sinh năm 1952 con bà: Quàng Thị K, sinh năm 1954; Bị cáo có vợ là Lò Thị X, sinh năm 1988 và có 03 con, con thứ nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang sinh sống tại bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

4. Lò Văn D. Tên gọi khác: Không, giới tính: Nam.

Sinh năm 1992, tại huyện S, tỉnh Lai Châu;

Nơi cư trú: Bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 0/12; Chức vụ đoàn thể, chính quyền: Không; Con ông: Lò Văn P, sinh năm 1966, con bà: Lò Thị H, sinh năm 1967; Bị cáo có vợ là Lò Thị T, sinh năm 1996 và có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang sinh sống tại bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

5. Lò Văn N. Tên gọi khác: Không, giới tính: Nam.

Sinh năm 1997, tại huyện S, tỉnh Lai Châu;

Nơi cư trú: Bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 9/12; Chức vụ đoàn thể, chính quyền: Không; Con ông: Lò Văn X, sinh năm 1977, con bà: Lò Thị P, sinh năm 1978; Bị cáo có vợ là Quàng Thị H, sinh năm 1999 và có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang sinh sống tại bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

6. Lù Văn H. Tên gọi khác: Không, giới tính: Nam.

Sinh năm 1996, tại huyện S, tỉnh Lai Châu;

Nơi cư trú: Bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 9/12; Chức vụ đoàn thể, chính quyền: Không; Con ông: Lù Văn V, sinh năm 1976, con bà: Lù Thị Đ, sinh năm 1976; Bị cáo có vợ là Lò Thị D, sinh năm 1998 và có 02 con, con sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang sinh sống tại bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

Bị hại: Lù Văn Y, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu . Có đơn xin vắng mặt.

Người làm chứng: Lù Văn C, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu. Có đơn xin vắng mặt.

Lò Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 18/7/2020 Quảng Văn U, sinh năm 1982, trú tại bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu gọi điện thoại cho Quảng Văn M, sinh năm 1988, trú tại bản N, xã N (là em vợ của Uy) nói với M là mang theo dao và bao tải đến nhà U cùng nhau đi vào rừng tìm trộm cắp thứ gì đó để ăn, M đồng ý, sau đó U đến nhà người quen trú cùng bản ăn cơm. Khoảng 12 giờ cùng ngày, sau khi đi ăn cơm về thì thấy M đang ngồi uống nước trong nhà, U gọi điện thoại cho Lò Văn N, sinh năm 1997 trú cùng bản (là con rể của U) đến nhà U, sau đó tiếp tục gọi Lò Văn D, sinh năm 1992, Lò Văn V, sinh năm 1988 và Lò Văn H sinh năm 1996 đều trú cùng bản (gọi bằng lời nói vì nhà D, V và H ở ngay cạnh nhà U) đến nhà U. Khi những người này có mặt, U rủ cùng nhau đi lên rừng tìm bắt trộm trâu mổ lấy thịt chia nhau mang về nhà ăn thì cả 05 người đều đồng ý, sau đó bàn bạc thống nhất mỗi người mang theo 01 dao nhọn, 01 bao tải, 01 đèn pin đi lên rừng tìm thấy trâu ở đâu thì bắt trộm ở đó và hẹn gặp nhau tại đầu bản để cùng đi vào rừng. Sau khi bàn bạc xong, V, D, N và H về nhà chuẩn bị mỗi người 01 con dao nhọn, 01 bao tải xác rắn và 01 đèn pin. M đã mang theo 01 con dao nhọn và 01 bao tải xác rắn sẵn từ trước đó, U lấy 01 con dao nhọn, 01 bao tải và 01 đèn pin cùng M đi ra đầu bản đợi, khoảng 05 phút sau, cả 06 người tập trung đầy đủ rồi cùng đi vào rừng tìm bắt trộm trâu. Khoảng 16 giờ cùng ngày, khi đến khu vực rừng T thuộc bản N, xã N thì nhìn thấy 03 con trâu (01 con trâu cái to và 02 con trâu nghé khoảng 06 đến 09 tháng tuổi đều lông màu đen) của gia đình Lò Văn Y sinh năm 1982, trú tại bản N, xã N đang nằm tại một bãi trống trong rừng. Cả 06 người thống nhất sẽ bắt trộm một trong hai con trâu nghé và chờ đến khi trời tối mới bắt để không bị người khác phát hiện. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, khi trời đã tối và không có người qua lại, cả 06 người đến gần đàn trâu để bắt thì cả 03 con trâu bỏ chạy vào trong rừng, tất cả cùng đuổi theo, đi được 78m thì Lò Văn V đuổi kịp con trâu nghé cái 09 tháng tuổi, V dùng dao nhọn mang theo chém một nhát vào gân chân sau của con trâu (V không nhớ là chân phải hay chân trái). Bị chém, con trâu tiếp tục chạy về phía trước 32m thì bị ngã xuống đất, Quảng Văn M đuổi kịp, dùng dao nhọn mang theo đâm một nhát vào cổ con trâu làm con trâu lăn xuống sườn dốc 06m, đến một đường mòn ở trong rừng, con trâu vẫn tiếp tục chạy đi được 6,5m, V đuổi kịp và dùng dao nhọn đâm tiếp một nhát vào cổ làm con trâu chết hẳn. Khi con trâu nghé chết, cả 06 người cùng nhau mổ lấy toàn bộ thịt, xương và nội tạng cho vào 06 bao tải mang về nhà Quảng Văn U để chia nhau. Khoảng 21 giờ cùng ngày, cả 06 người mang thịt trâu về đến nhà Uy, chia đều số thịt và nội tạng con trâu thành 06 phần bằng nhau, mỗi người lấy một phần. Khi chia, để lại đầu, một ít thịt và một ít nội tạng nấu ăn chung tại nhà U, sau khi ăn xong, mỗi người mang một phần thịt trâu đi về nhà.

Ngày 19/7/2020 Lò Văn Y đến bãi thả trâu của gia đình ở khu vực rừng T thuộc bản N, xã N, huyện S xem trâu như thường ngày thì phát hiện bị mất 01 con trâu nghé cái 09 tháng tuổi. Tìm xung quanh thấy có vết máu và phân, có dấu hiệu của việc giết mổ trâu. Nghi Quảng Văn U và Lò Văn N bắt trộm con trâu nghé của gia đình giết, mổ lấy thịt vì trước đó, ngày 18/7/2020 trên đường đi xem trâu của

gia đình về nhìn thấy U, N và một số người khác đang đi bộ lên đồi đối diện khu vực thả trâu của gia đình nên Y đã đến Trụ sở Công an xã N, huyện S trình báo sự việc và đề nghị Cơ quan Công an xác minh điều tra làm rõ. Cùng ngày Công an xã N báo cáo vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sìn Hồ để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 20/7/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sìn Hồ phối hợp với Công an xã N triệu tập Quàng Văn U, Lò Văn V, Quàng Văn M, Lò Văn D, Lò Văn N và Lù Văn H đến Trụ sở Công an xã N làm việc. Trước Cơ quan Công an, U, V, M, D, Ng và H đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của bản thân.

Bản Kết luận định giá tài sản số 21 ngày 20/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Sìn Hồ kết luận: 01 con trâu cái, lông màu đen, 09 tháng tuổi, tình trạng bình thường trị giá 14.000.000 đồng (*mười bốn triệu đồng*).

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đã truy tố.

Tại bản Cáo trạng số: 41/CT-VKS-SH, ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đã truy tố các bị cáo Quàng Văn U, Lò Văn V, Quàng Văn M, Lò Văn D, Lò Văn N và Lù Văn H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ giữ nguyên quan điểm truy tố, không bổ sung gì và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên các bị cáo Quàng Văn U, Lò Văn V, Quàng Văn M, Lò Văn D, Lò Văn N và Lù Văn H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Quàng Văn U từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt các bị cáo Quàng Văn M, Lò Văn V, Lò Văn D, Lò Văn N, Lù Văn H, mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách về tội trộm cắp tài sản.

+ *Hình phạt bổ sung*: Xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, khó có khả năng thi hành nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 BLHS với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã tự thỏa thuận và tiến hành bồi thường cho người bị hại Lù Văn Yên 21.000.000 đồng, người bị hại không có yêu cầu các bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự nên không đề nghị xem xét giải quyết.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy những công cụ phạm tội và tịch thu hóa giá xung quỹ Nhà nước các phương tiện mà các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và đề nghị mức hình phạt, các bị cáo đồng ý với tội danh và mức hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố và đề nghị, các bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Sìn Hồ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa đều phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường; lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; bản Kết luận định giá tài sản số 21 ngày 20/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Sìn Hồ, cùng các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 18/7/2020, tại bãi thả trâu khu vực rừng T thuộc bản N, xã N, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, Quàng Văn U, sinh năm 1982, Lò Văn N, sinh năm 1997, Lò Văn D, sinh năm 1992, Lò Văn V, sinh năm 1988, Lò Văn H sinh năm 1996 đều trú bản N, xã N và Quàng Văn M, sinh năm 1988, trú tại bản Na, xã N, huyện Sìn Hồ đã thực hiện hành vi trộm cắp một con trâu nghé cái, lông màu đen 09 tháng tuổi, trị giá 14.000.000 đồng của gia đình anh Lò Văn Y sinh năm 1982, trú tại bản N, xã N, giết, mổ lấy thịt chia nhau mang về nhà để ăn.

Hành vi trên đây của các bị cáo Quàng Văn U, Lò Văn V, Quàng Văn M, Lò Văn D, Lò Văn N, Lò Văn H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách bất hợp pháp, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Các bị cáo Quàng Văn U, Lò Văn V, Quàng Văn M, Lò Văn D, Lò Văn N, Lò Văn H là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Xét vai trò đồng phạm của các bị cáo: Đối với bị cáo Quàng Văn U là người khởi xướng, rủ rê lôi kéo các bị cáo Lò Văn V, Quàng Văn M, Lò Văn D, Lò Văn N, Lò Văn H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần phải có mức án phù hợp với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội đồng thời để nâng cao ý thức pháp luật trong nhân dân, đảm bảo công tác phòng ngừa chung cho xã hội. Do đó mức hình phạt như đại diện Viện kiểm sát vừa đề nghị là

hoàn toàn phù hợp. Các bị cáo Lò Văn V, Quàng Văn M, Lò Văn D, Lò Văn N và Lù Văn H đều là người giữ vai trò đồng phạm tích cực, do vậy phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đã khắc phục hậu quả bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 21.000.000 đồng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Lò Văn V, Quàng Văn M, Lò Văn D, Lò Văn N, Lù Văn H có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Nên không nhất thiết phải đưa các Lò Văn V, Quàng Văn M, Lò Văn D, Lò Văn N, Lù Văn H đi cách ly khỏi xã hội một thời gian, mà chỉ cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự là xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo cũng đủ đảm bảo cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và công tác giáo dục phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Quàng Văn U là người chủ mưu cầm đầu nên cần phải có mức án phù hợp với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội đồng thời để nâng cao ý thức pháp luật trong nhân dân, đảm bảo công tác phòng ngừa chung cho xã hội. Do đó mức hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là hoàn toàn phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, bản thân các bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường trách nhiệm dân sự, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và không yêu cầu gì thêm. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy những công cụ, phương tiện các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bao gồm:

+ 01 cái đèn pin, loại cầm tay, màu xanh; 01 bao tải xác rắn màu đỏ cam, đã bị rách, bị bẩn; 01 dao nhọn, có bao dao làm bằng gỗ dài 29cm, rộng 05cm, có quần dây; con dao nhọn có tổng chiều dài 38cm; phần cán dao làm bằng gỗ dài 14cm, đường kính 2,5cm; phần lưỡi dao bằng kim loại dài 24cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 3,3cm, phần dày nhất là 0,5cm (đã qua sử dụng) thu giữ của Quàng Văn U.

+ 01 đèn pin màu đen, nhãn hiệu SUNMAX, loại đội đầu; 01 dao nhọn có tổng chiều dài 36cm, phần cán dao làm bằng gỗ màu nâu, dài 10cm, đường kính

03cm x 2,5cm; phần lưỡi dao bằng kim loại dài 26cm, chỗ rộng nhất 3,5cm, chỗ dày nhất 0,5cm; 01 bao tải xác rắn màu đỏ cam (đã qua sử dụng), thu giữ của Lò Văn V.

+ 01 bao tải xác rắn màu đỏ cam; 01 dao nhọn tổng chiều dài 41cm; phần cán dao làm bằng nhựa dài 12,5cm, đường kính 3,5cm x 2,5cm; phần lưỡi dao bằng kim loại dài 28,5cm, chỗ rộng nhất 4,5cm, chỗ dày nhất là 0,6cm (đã qua sử dụng), thu giữ của Quảng Văn M.

+ 01 đèn pin màu đen không rõ nhãn hiệu, loại đội đầu; 01 dao nhọn màu đen, cán dao và lưỡi dao đều làm bằng kim loại, tổng chiều dài con dao là 33cm, phần cán dao dài 10cm; 01 bao tải xác rắn màu đỏ cam (đã qua sử dụng), thu giữ của Lò Văn D.

+ 01 đèn pin màu tím than không rõ nhãn hiệu, loại đội đầu; 01 dao nhọn có tổng chiều dài 33,5cm; phần cán dao bằng gỗ dài 13,5cm, đường kính 2,5cm; phần lưỡi dao bằng kim loại dài 20cm, chỗ rộng nhất 2,7cm, chỗ dày nhất là 0,4cm; 01 bao tải xác rắn màu nâu đã bị bẩn (đã qua sử dụng) thu giữ của Lò Văn N.

+ 01 đèn pin màu đỏ, không rõ nhãn hiệu; 01 dao nhọn, có tổng chiều dài 35,5cm; phần cán dao bằng gỗ dài 12cm, đường kính 03cm; phần lưỡi dao làm bằng kim loại dài 23,5cm, chỗ rộng nhất 03cm, chỗ dày nhất là 0,5cm; 01 bao tải xác rắn màu cam, đã bị rách (đã qua sử dụng) thu giữ của Lò Văn H.

* Trả lại các tài sản tạm giữ không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, bao gồm:

+ Trả lại cho bị cáo Quảng Văn U: 01 đôi dép nhựa màu đen, có quai; 01 áo sơ mi dài tay, có nhiều hoa văn, đã bị rách; 01 quần soóc bò màu xanh; 01 chảo kim loại màu đen, đường kính 26cm; 01 thớt gỗ màu đen, kích thước 19cm x 19cm x 07cm (đã qua sử dụng).

+ Trả lại cho bị cáo Lò Văn V: 01 chảo kim loại màu đen, đường kính 24cm; 01 thớt gỗ màu nâu, kích thước 33cm x 23cm x 07cm; 01 đôi dép tổ ong màu trắng, đã bị bẩn; 01 áo rằn ri màu xanh; 01 quần rằn ri màu xanh (đã qua sử dụng).

+ Trả lại cho bị cáo Quảng Văn M: 01 đôi dép tổ ong màu trắng; 01 áo sơ mi dài tay màu xám, có kẻ sọc; 01 quần dài màu đen xám; 01 nồi kim loại, có đường kính 25cm; 01 thớt gỗ, kích thước 30cm x 29cm x 06cm (đã qua sử dụng).

+ Trả lại cho bị cáo Lò Văn D: 01 đôi dép nhựa màu đen, có quai; 01 áo sơ mi dài tay, có nhiều hoa văn, đã bị rách; 01 quần soóc bò màu xanh; 01 chảo kim loại màu đen, đường kính 26cm; 01 thớt gỗ màu đen, kích thước 19cm x 19cm x 07cm (đã qua sử dụng).

+ Trả lại cho bị cáo Lò Văn N: 01 áo sơ mi dài tay màu đen, có kẻ sọc màu trắng; 01 quần soóc màu đen; 01 đôi dép cao su màu xanh; 01 thớt gỗ, có kích thước 31cm x 27cm x 04cm; 01 nồi bằng kim loại, đường kính 25cm (đã qua sử dụng).

+ Trả lại cho bị cáo Lò Văn H: 01 nồi màu đen, đường kính 18 cm; 01 thớt gỗ màu nâu có kích thước 19cm x 14cm x 05cm; 01 đôi dép nhựa màu nâu, có quai màu xanh; 01 áo rằn ri màu xanh; 01 quần dài màu xanh (đã qua sử dụng).

* Đối với 03 chiếc điện thoại di động: 01 chiếc nhãn hiệu OPPO A71 loại màn hình cảm ứng (đã qua sử dụng) thu giữ của Quàng Văn U; 01 nhãn hiệu MASSTEL màu đỏ, loại bàn phím (đã qua sử dụng), thu giữ của Quàng Văn M; 01 chiếc nhãn hiệu OPPO A37 loại màn hình cảm ứng (đã qua sử dụng), thu giữ của Lò Văn N, đây là phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc với nhau để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

[8] Đối với số thịt trâu các bị cáo Quàng Văn U và Lò Văn N mang đến nhà Lò Văn C và Lò Thị H để nấu ăn, khi mang đến các bị cáo nói đây là số thịt trâu các bị cáo mua ở bản N, xã N. Lò Văn C và Lò Thị H không biết đây là số thịt do các bị cáo trộm cắp mà có nên Lò Văn C và Lò Thị H không phạm tội.

[9] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn nên cần miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 đối với bị cáo Quàng Văn U.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 đối với các bị cáo Lò Văn V, Quàng Văn M, Lò Văn D, Lò Văn N và Lò Văn H.

Tuyên bố các bị cáo Quàng Văn U, Lò Văn V, Quàng Văn M, Lò Văn D, Lò Văn N và Lò Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Quàng Văn U 07 (*bảy*) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Xử phạt các bị cáo Lò Văn V, Quàng Văn M, Lò Văn D, Lò Văn N và Lò Văn H mỗi bị cáo 06 (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách của các bị cáo Lò Văn V, Quàng Văn M, Lò Văn D, Lò Văn N và Lò Văn H mỗi bị cáo là 12 (*mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Lò Văn V, Quàng Văn M, Lò Văn D, Lò Văn N và Lò Văn H cho UBND xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp các bị cáo chuyển nơi cư trú thì việc giám sát giáo dục được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Quảng Văn U từ ngày tuyên án đến khi bị cáo vào trại chấp hành án.

- Xử lý vật chứng:

* Tịch thu, tiêu hủy những công cụ, phương tiện các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bao gồm:

+ 01 đèn pin, loại cầm tay, màu xanh; 01 bao tải xác rắn màu đỏ cam, đã bị rách, bị bẩn; 01 dao nhọn, có bao dao làm bằng gỗ dài 29cm, rộng 05cm, có quấn dây; con dao nhọn có tổng chiều dài 38cm; phần cán dao làm bằng gỗ dài 14cm, đường kính 2,5cm; phần lưỡi dao bằng kim loại dài 24cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 3,3cm, phần dày nhất là 0,5cm; (đã qua sử dụng) thu giữ của Quảng Văn U.

+ 01 đèn pin màu đen, nhãn hiệu SUNMAX, loại đội đầu; 01 dao nhọn có tổng chiều dài 36cm, phần cán dao làm bằng gỗ màu nâu, dài 10cm, đường kính 03cm x 2,5cm; phần lưỡi dao bằng kim loại dài 26cm, chỗ rộng nhất 3,5cm, chỗ dày nhất 0,5cm; 01 bao tải xác rắn màu đỏ cam (đã qua sử dụng), thu giữ của Lò Văn V.

+ 01 bao tải xác rắn màu đỏ cam; 01 dao nhọn tổng chiều dài 41cm; phần cán dao làm bằng nhựa dài 12,5cm, đường kính 3,5cm x 2,5cm; phần lưỡi dao bằng kim loại dài 28,5cm, chỗ rộng nhất 4,5cm, chỗ dày nhất là 0,6cm (đã qua sử dụng), thu giữ của Quảng Văn M.

+ 01 đèn pin màu đen không rõ nhãn hiệu, loại đội đầu; 01 dao nhọn màu đen, cán dao và lưỡi dao đều làm bằng kim loại, tổng chiều dài con dao là 33cm, phần cán dao dài 10cm; 01 bao tải xác rắn màu đỏ cam (đã qua sử dụng), thu giữ của Lò Văn D.

+ 01 đèn pin màu tím than không rõ nhãn hiệu, loại đội đầu; 01 dao nhọn có tổng chiều dài 33,5cm; phần cán dao bằng gỗ dài 13,5cm, đường kính 2,5cm; phần lưỡi dao bằng kim loại dài 20cm, chỗ rộng nhất 2,7cm, chỗ dày nhất là 0,4cm; 01 bao tải xác rắn màu nâu đã bị bẩn (đã qua sử dụng), thu giữ của Lò Văn N.

+ 01 đèn pin màu đỏ, không rõ nhãn hiệu; 01 dao nhọn, có tổng chiều dài 35,5cm; phần cán dao bằng gỗ dài 12cm, đường kính 03cm; phần lưỡi dao làm bằng kim loại dài 23,5cm, chỗ rộng nhất 03cm, chỗ dày nhất là 0,5cm; 01 bao tải xác rắn màu cam, đã bị rách (đã qua sử dụng), thu giữ của Lò Văn H.

* Trả lại các tài sản tạm giữ không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, bao gồm:

+ Trả lại cho bị cáo Quảng Văn U: 01 đôi dép nhựa màu đen, có quai; 01 áo sơ mi dài tay, có nhiều hoa văn, đã bị rách; 01 quần soóc bò màu xanh; 01 chảo kim loại màu đen, đường kính 26cm; 01 thớt gỗ màu đen, kích thước 19cm x 19cm x 07cm (đã qua sử dụng).

+ Trả lại cho bị cáo Lò Văn V: 01 chảo kim loại màu đen, đường kính 24cm; 01 thớt gỗ màu nâu, kích thước 33cm x 23cm x 07cm; 01 đôi dép tổ ong màu trắng, đã bị bẩn; 01 áo rằn ri màu xanh; 01 quần rằn ri màu xanh (đã qua sử dụng).

+ Trả lại cho bị cáo Quảng Văn M: 01 đôi dép tổ ong màu trắng; 01 áo sơ mi dài tay màu xám, có kẻ sọc; 01 quần dài màu đen xám; 01 nồi kim loại, có đường kính 25cm; 01 thớt gỗ, kích thước 30cm x 29cm x 06cm (đã qua sử dụng).

+ Trả lại cho bị cáo Lò Văn D: 01 đôi dép nhựa màu đen, có quai; 01 áo sơ mi dài tay, có nhiều hoa văn, đã bị rách; 01 quần soóc bò màu xanh; 01 chảo kim loại màu đen, đường kính 26cm; 01 thớt gỗ màu đen, kích thước 19cm x 19cm x 07cm (đã qua sử dụng).

+ Trả lại cho bị cáo Lò Văn N: 01 áo sơ mi dài tay màu đen, có kẻ sọc màu trắng; 01 quần soóc màu đen; 01 đôi dép cao su màu xanh; 01 thớt gỗ, có kích thước 31cm x 27cm x 04cm; 01 nồi bằng kim loại, đường kính 25cm (đã qua sử dụng).

+ Trả lại cho bị cáo Lò Văn H: 01 nồi màu đen, đường kính 18 cm; 01 thớt gỗ màu nâu có kích thước 19cm x 14cm x 05cm; 01 đôi dép nhựa màu nâu, có quai màu xanh; 01 áo rằn ri màu xanh; 01 quần dài màu xanh (đã qua sử dụng).

* Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A71, màu hồng, số IMEI 1: 868499030826692, số IMEI 2: 868499030826684; sim 01 có số thuê bao là: 0354.520.129, sim 02 có số thuê bao là: 0333.201.693 (đã qua sử dụng) thu giữ của Quảng Văn U; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu MASSTEL màu đỏ, loại bàn phím; số IMEI 1: 352121084143146, có 01 sim, số thuê bao sim: 0393.459.054 (đã qua sử dụng), thu giữ của Quảng Văn M; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A37, màu vàng đồng; số IMEI 1: 866977030817532, số IMEI 2: 866977030817524; số thuê bao sim 01: 0981.129.240 (đã qua sử dụng), thu giữ của Lò Văn N.

(Vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an huyện Sìn Hồ và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sìn Hồ ngày 06/10/2020).

- Án phí: Miễn toàn bộ án phí Hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

- Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày 30/11/2020, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu, lên Tòa án cấp trên để xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- VKSND huyện;
- CQCSĐT- Công an huyện;
- CQTHA hình sự huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các bị cáo; người bị hại;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Bình

